

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK SONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/DSST

Ngày 29/4/2022

*“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hồ Thị Thu Uyên và bà Hoàng Thị Tám.
- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hà Thị Thúy Nga.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Đạt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/4/2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 325/TLST- DSST ngày 18/10/2021 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐST-DS ngày 04/3/2022, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/QĐST-DS ngày 22/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/QĐST-DS ngày 12/4/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A (A)  
Địa chỉ: Số 02 L, quận B, TP.Hà Nội.  
*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Tiết Văn T - Chức vụ: Tổng giám đốc.  
*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Văn T - Chức vụ: Giám đốc A chi nhánh Đ, tỉnh Đắc Nông.
- *Người được ủy quyền:* Ông Dương Hiến T - Chức vụ: Phó Giám đốc A chi nhánh Đ, tỉnh Đắc Nông. (có mặt)  
Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Đức An, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông.
- *Bị đơn :* Ông Đặng Văn X  
Địa chỉ: Bản Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông. (có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Ngọc D  
Địa chỉ: Bản Đ , xã T, huyện Đ , tỉnh Đắk Nông.  
(Địa chỉ mới : tổ 12, khu vực 3, Phường Đ, (103/12 T) TP.Q, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện: Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai tại phiên tòa người được ủy quyền ông Dương H Thịnh trình bày:

Ngày 31/7/2018 ông Đặng Văn X và bà Phạm Thị Ngọc D có làm đơn vay Ngân hàng A chi nhánh huyện Đ, tỉnh Đắk Nông để dùng vào mục đích chăm sóc cà phê và trồng tiêu với số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tại Hợp đồng tín dụng số 5305-LAV-201802062 ngày 21/7/2018 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 46869/NhoDS ngày 20/7/2020 hạn trả cuối cùng vào ngày 20/7/2021, trả gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), trả lãi theo định kỳ 06 tháng/lần: lãi suất trong hạn 10.5%/năm; lãi suất quá hạn 150%. Từ ngày 21/7/2021 đến nay, ông X bà D chỉ trả tính từ ngày 29/4/2022 đã trả tiền lãi 36.621.000đ (Ba mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi một nghìn đồng), còn lại từ đó đến nay ông X bà D đã vi phạm Hợp đồng tín dụng, không thực hiện theo kế hoạch trả nợ quá hạn từ ngày 29/4/2022. Tổng số tiền ông X bà D còn nợ Ngân hàng là 106.789.041đ (Một trăm linh sáu triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng). Trong đó gốc: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi quá hạn: 6.789.041đ (Sáu triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng).

Ngân hàng yêu cầu ông X bà D phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi và lãi phát sinh trong thời gian sớm nhất để Ngân hàng thu hồi nợ. Khi vay Ngân hàng, ông X và bà D có cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản là quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL814572, thửa đất 45, tờ bản đồ 79, diện tích 5859 m<sup>2</sup> do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 11/12/2017 mang tên ông Đặng văn X và bà Phạm Thị Ngọc D. Tuy nhiên Ngân hàng không yêu cầu giải quyết về tài sản chỉ yêu cầu giải quyết trả tiền theo Hợp đồng tín dụng.

Bị đơn ông Đặng Văn X trình bày: Ngày 31/7/2018 ông Đặng Văn X và bà Phạm Thị Ngọc D có làm đơn vay Ngân hàng A chi nhánh huyện Đ, tỉnh Đắk Nông để dùng vào mục đích chăm sóc cà phê và trồng tiêu số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tại Hợp đồng tín dụng số 5305-LAV-201802062 ngày 31/7/2018 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 46869/NhoDS ngày 20/7/2020, hạn trả cuối cùng vào ngày 20/7/2021, trả gốc: 100.000.000đ, trả lãi theo định kỳ 06 tháng /lần: lãi suất trong hạn 10.5%/năm; lãi suất quá hạn

150%. Từ ngày 29/4/2022 đến nay, ông X bà D đã trả 36.621.000đ (Ba mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi một nghìn đồng) tiền lãi. Hiện nay, ông X bà D còn nợ Ngân hàng là 106.789.041đ (Một trăm linh sáu triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng). Trong đó gốc: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi quá hạn: 6.789.041đ (Sáu triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng). Tại tòa án vì điều kiện gia đình ông X bà D khó khăn, nên ông X xin được trả dần. Khi ông X bà D vay Ngân hàng có cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản là quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL814572, thửa đất 45, tờ bản đồ 79, diện tích 5859 m<sup>2</sup> do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 11/12/2017 mang tên ông Đặng văn X và bà Phạm Thị Ngọc D.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Phạm Thị Ngọc D. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật và đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, đã niêm yết các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đến tòa án làm việc. Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần để hòa giải nhưng bà D vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ngọc D nhưng không chấp hành, vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do nên HĐXX xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1]. Về tố tụng:

- Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp hợp đồng tín dụng, Bị đơn có hộ khẩu thường trú Bản Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Nguyên đơn là tổ chức có đăng ký kinh doanh, Bị đơn không có đăng ký kinh doanh. Vì vậy, đây là tranh chấp dân sự, quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Hợp đồng tín dụng được ký kết ngày 31/7/2018, do đó còn thời hiệu.

- Căn cứ mở phiên tòa: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai áp dụng b khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm với Kiểm sát viên, tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng tín dụng số 5305-LAV-201802062 ngày 21/7/2018, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng 46869/NhoDS ngày 20/7/2020, hạn trả cuối cùng vào ngày 20/7/2021, trả gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), trả lãi theo định kỳ 06 tháng /lần: lãi suất trong hạn 10.5%/năm; lãi suất quá hạn 150%. Từ ngày 29/4/2022 ông X đã trả tiền lãi 36.621.000đ (Ba mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi một nghìn đồng), còn lại từ đó đến nay ông X bà D đã vi phạm Hợp đồng tín dụng, không thực hiện theo kế hoạch trả nợ quá hạn từ ngày 29/4/2022. Tổng số tiền ông X bà D còn nợ Ngân hàng là 106.789.041đ (Một trăm linh sáu triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng). Trong đó gốc: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); lãi quá hạn: 6.789.041đ (Sáu triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng).

Như vậy, đã vi phạm theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Việc Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông X bà D phải trả cho Ngân hàng A số tiền gốc và lãi trên là có căn cứ.

Xét về tiền lãi, mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận ký kết trong hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét Hợp đồng tín dụng số 5305-LAV-201802062 ngày 21/7/2018, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng 46869/NhoDS ngày 20/7/2020 ông X ký, bà D có văn bản ủy quyền ngày 30/7/2018 cho ông X vay Quá trình giải quyết vụ án mục đích vay thể hiện trong Hợp đồng tín dụng, ông X thừa nhận vay mục đích vay để sử dụng vào việc chi phí cho việc sản xuất, trồng tiêu phục vụ đời sống của gia đình. Do vậy Ngân hàng A buộc ông

Đặng Văn X và bà Phạm Thị Ngọc D có trách nhiệm trả số tiền gốc và lãi trên cho Ngân hàng A là có căn cứ.

Từ những căn cứ nêu trên Buộc ông X và bà D phải trả cho Ngân hàng A số tiền 106.789.041đ (Một trăm linh sáu triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng). Trong đó gốc: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); lãi quá hạn 6.789.041đ (Sáu triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng).

Đối với ông X và bà D có cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản là quyền sử dụng đất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL814572, thửa đất 45, tờ bản đồ 79, diện tích 5859 m<sup>2</sup> do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 11/12/2017 mang tên ông Đặng văn X và bà Phạm Thị Ngọc D. Tuy nhiên, trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản là quyền sử dụng đất nên HĐXX không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá gạch đối với số tiền 106.789.041đ x 5% = 5.339.425 đ (Năm triệu ba trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng A.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Đặng Văn X và bà Phạm Thị Ngọc D phải thanh toán cho Ngân hàng A. Tổng số tiền: 106.798.041đ (Một trăm linh sáu triệu bảy trăm chín tám nghìn không trăm bốn mươi một đồng). Trong đó: gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi quá hạn từ ngày 21/7/2021 đến 29/4/2022 là: 6.789.041đ (Sáu triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng).

2. Tiếp tục tính lãi kể từ ngày 30/4/2022 theo mức lãi suất nợ quá hạn như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5305-LAV-201802062 ngày 21/7/2018.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm buộc ông Đặng Văn X và bà Phạm Thị Ngọc D phải nộp 5.339.452đ (Năm triệu ba trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền 2.567.000 đồng (Hai triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) mà Ngân hàng A chi nhánh huyện Đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001036 ngày 10/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Lan**